

Số: 84/BC-HĐND

Ninh Thuận, ngày 16 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh từ đầu năm 2021 đến tháng 9/2021

Kính gửi: Đảng Đoàn HĐND tỉnh

Thực hiện Văn bản số 120-CV/ĐĐHĐND ngày 17/9/2021 của Đảng Đoàn HĐND tỉnh về phân công giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí phòng, chống dịch Covid-19; Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã ban hành kế hoạch giám sát nội dung nêu trên¹, mốc thời gian đề nghị báo cáo phục vụ giám sát từ đầu năm 2021 đến tháng 9/2021. Tại thời điểm giám sát, do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Ban đã quyết định tổ chức giám sát thông qua hình thức xem xét, đánh giá báo cáo của các cơ quan, đơn vị gồm: Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế; UBND các huyện, thành phố.

Ban báo cáo kết quả giám sát cụ thể như sau:

I. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương liên quan đến quản lý, sử dụng kinh phí trong công tác phòng, chống dịch Covid-19²; UBND tỉnh đã xây dựng, ban hành Kế hoạch đảm bảo kinh phí phòng, chống dịch Covid-19³; hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên còn lại năm 2021 để bổ sung kinh phí thực hiện phòng, chống dịch theo quy định tại Nghị quyết số 58/NQ-CP và Nghị quyết số 86/NQ-CP của Chính phủ; chỉ đạo mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác phòng, chống dịch; thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch covid-19 theo các quy định của Chính phủ.

UBND các huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch, phương án đảm bảo kinh phí phòng, chống dịch Covid-19; kế hoạch triển khai thực hiện hỗ trợ người lao động,

¹ Kế hoạch số 232/KH-HĐND ngày 24/9/2021.

² Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2021; Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 của Chính phủ về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh covid-19 để thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội khóa XV; Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 11/9/2021 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8/2021; Văn bản số 6299/BTC-NSNN ngày 11/6/2021 của Bộ Tài chính về việc tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP;...

³ Kế hoạch số 4456/KH-UBND ngày 25/8/2021 về đảm bảo kinh phí phòng, chống dịch covid-19.

người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn; thành lập Tổ thẩm định hỗ trợ đối tượng theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; chỉ đạo rà soát đối tượng, phê duyệt danh sách lao động đủ điều kiện nhận hỗ trợ do đại dịch Covid-19 theo quy định; chỉ đạo các xã, phường, thị trấn thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân đảm bảo khẩn trương, kịp thời, chính xác, đúng đối tượng; một số địa phương thiết lập nhóm hỗ trợ qua mạng xã hội Zalo để kịp thời nắm thông tin, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện⁴.

Nhìn chung, công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc quản lý, sử dụng kinh phí phòng, chống dịch được các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo quy định.

II. Kết quả quản lý, sử dụng kinh phí phòng, chống dịch Covid-19

1. Kinh phí chi cho các đối tượng liên quan đến công tác phòng, chống dịch Covid-19

a) Về hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Nghị quyết số 154/NQ-CP của Chính phủ: Theo báo cáo của Sở Tài chính, tổng kinh phí đã thực hiện hỗ trợ người dân trong năm 2020 là 126.171,15 triệu đồng. Trong đó: Trung ương hỗ trợ 63.085,575 triệu đồng; ngân sách địa phương 63.085,575 triệu đồng. Các đối tượng được hỗ trợ gồm:

- Hộ kinh doanh cá thể có khai báo thuế, có doanh thu dưới 100tr/năm: 609 hộ/609 triệu đồng;
- Người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng hoặc nghỉ việc không hưởng lương 93 người/347,4 triệu đồng;
- Người lao động bị chấm dứt hợp đồng nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp 10 người/10 triệu đồng;
- Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm 20.516 người/20.516 triệu đồng;
- Người có công với cách mạng: 2.898 người/4.343 triệu đồng;
- Đối tượng bảo trợ xã hội 18.395 người/ 27.532,5 triệu đồng;
- Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo 97.087 người/72.813,25 triệu đồng.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngân sách tỉnh đã thực hiện hỗ trợ cho 3.970 người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, số tiền: 3.970 triệu đồng.

b) Chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 được thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tính đến ngày 30/9/2021, tổng kinh phí đã hỗ trợ cho các đối tượng nêu trên là 15.309,585 triệu đồng, cụ thể:

⁴ Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm;

- Hộ kinh doanh 2.700 hộ/8.100 triệu đồng.
- Người lao động tạm hoãn hợp đồng 1.701 người/5.545 triệu đồng (gồm: 93 người nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng; 1.608 người nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng trở lên. Trong đó có 68 người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1 triệu đồng/người và 696 người đang nuôi 711 con nhỏ chưa đủ 6 tuổi, được hỗ trợ thêm 1 triệu đồng/trẻ em).
- Người lao động ngừng việc 6 người/10 triệu đồng (bao gồm 4 người lao động đang nuôi 4 con nhỏ chưa đủ 6 tuổi, được hỗ trợ thêm 1 triệu đồng/ trẻ em).
- Người lao động chấm dứt hợp đồng lao động 10 người/37,1 triệu đồng.
- Người đang điều trị Covid - 19 (F0) 124 người/127,32 triệu đồng.
- Người đang cách ly y tế (F1) 13 người/19,48 triệu đồng.
- Trẻ em đang điều trị Covid - 19 hoặc cách ly y tế 22 trẻ/22 triệu đồng.
- Hướng dẫn viên du lịch 6 người/ 22,26 triệu đồng.
- Viên chức hoạt động nghệ thuật (Diễn viên) 13 người/ 48,23 triệu đồng.

Ngoài ra, căn cứ quy định tại khoản 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ, Tỉnh đã hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng là người lao động không có giao kết hợp đồng lao động gặp khó khăn do dịch Covid-19 với tổng kinh phí 30.459 triệu đồng/20.306 người được hỗ trợ.

c) Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người bị cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế là 2.141.523.000 đồng.

d) Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia công tác phòng, chống dịch Covid-19:

- Chế độ đặc thù đối với viên chức, người lao động tham gia phòng, chống dịch: 19.899.353.000 đồng.

- Chính sách hỗ trợ đối với những người tham gia phòng, chống dịch Covid-19 đối với Tổ giám sát cộng đồng ở cơ sở và chốt kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, tuy nhiên do nguồn kinh phí còn khó khăn, hiện nay, các huyện, thành phố chủ yếu mới chi trả một phần chính sách hỗ trợ⁵.

2. Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế, hóa chất khử khuẩn,... phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19: 40.809.011.800 đồng. Trong đó:

- Mua sắm vật tư, sinh phẩm xét nghiệm và trang thiết bị y tế đầu tư cho 50 giường bệnh nhân Covid-19 điều trị nặng, nguy kịch tại Bệnh viện đa khoa tỉnh: 12.000.000.000 đồng.

- Mua sắm trang thiết bị phục vụ 02 khu cách ly phòng chống dịch: 177.120.500 đồng.

⁵ 1/ Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã chi 250 triệu đồng; 2/ Huyện Thuận Nam đã chi 313.710.000 đồng; 3/ Huyện Ninh Hải đã chi hỗ trợ số tiền 1.620.771.000 đồng (Tổ giám sát cộng đồng là 1.248.711.000 đồng, chốt kiểm soát là 372.060.000 đồng); 4/ Huyện Thuận Bắc đã chi hỗ trợ số tiền 1.387.750.000 đồng; 5/ Huyện Ninh Sơn đã chi 31.270.000 đồng; 6/ Huyện Bác Ái, đã chi trả với số tiền 660.913.000 đồng.

- Mua sắm vật tư, hàng hóa, vật chất chống dịch phục vụ bầu cử: 2.472.876.800 đồng.

- Tổ chức xét nghiệm phòng ngừa dịch Covid-19 cho cán bộ, giáo viên, người làm công tác thi tuyển sinh lớp 10 Trung học phổ thông năm học 2021-2022: 148.118.800 đồng.

- Phục vụ việc xét nghiệm SARS-CoV-2 cho cán bộ, giáo viên, nhân viên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông chuẩn bị vào năm học mới 2021-2022: 342.512.000 đồng.

- Mua sắm vật tư, hàng hóa, vật chất chống dịch, sinh phẩm xét nghiệm tầm soát dịch, sinh phẩm xét nghiệm mẫu gộp bằng kỹ thuật Real time-PCR: 25.668.383.700 đồng.

3. Kết quả thực hiện quy định tại điểm c mục 2 Nghị quyết số 58/NQ-CP và khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 của Chính phủ

- Cắt giảm 50% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước, tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại năm 2021 là 25.258.364.902 đồng. Trong đó:

+ Cắt giảm 50% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước: 6.513.817.859 đồng

+ Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại năm 2021: 18.744.547.043 đồng.

- Điều chỉnh, cắt giảm kinh phí của các nhiệm vụ chi chưa thật sự cần thiết để tập trung kinh phí phòng, chống dịch bệnh Covid-19 là 12.076.788.730 đồng.

- Tổng kinh phí bổ sung nguồn dự phòng ngân sách tỉnh để chi cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo quy định tại Nghị quyết số 58/NQ-CP và Nghị quyết số 86/NQ-CP của Chính phủ là 37.335.153.632 đồng.

4. Việc huy động các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 (từ nguồn kinh phí của UBND tỉnh chuyên vào ngân sách tỉnh): 11.850.536.436 đồng. Trong đó:

- Đã phân bổ kinh phí thực hiện mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế,... phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 cho Sở y tế, số tiền: 6.705.500.000 đồng

- Kinh phí còn lại chưa phân bổ: 5.145.036.436 đồng.

5. Nhu cầu kinh phí phòng, chống dịch Covid-19

Theo báo cáo của Sở Tài chính (số liệu tổng hợp từ các cơ quan, đơn vị, địa phương từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/9/2021), tổng nhu cầu kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh là 872.472,24 triệu đồng (trong đó, tổng kinh phí đã chi là 153.430,84 triệu đồng, đạt 17,6% so với nhu cầu kinh phí; kinh phí còn thiếu là 718.999,81 triệu đồng). Kinh phí hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ được thực hiện đảm bảo quy định; riêng kinh phí phòng chống dịch như chế độ phụ cấp chống dịch; mua sắm hóa chất, sản phẩm, phương tiện phòng, chống dịch; sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế,... chỉ đáp ứng một phần so với nhu cầu kinh phí (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

II. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Qua giám sát, các địa phương cơ bản thực hiện đảm bảo kế hoạch của UBND tỉnh về nguồn kinh phí phòng, chống dịch Covid-19, tập trung, ưu tiên nguồn lực cho công tác khoanh vùng, xét nghiệm tầm soát diện rộng, chi cho công tác điều trị, xét nghiệm; rà soát, điều chỉnh các khoản chi chưa thật sự cần thiết để thực hiện cho nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn.

Việc phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ các đối tượng liên quan đến công tác phòng, chống dịch Covid-19 được các địa phương, sở, ngành triển khai thực hiện đảm bảo chặt chẽ, kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, theo trình tự, thủ tục quy định.

Việc huy động nguồn lực, kêu gọi sự hỗ trợ, ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân tham gia vào công tác phòng, chống dịch được quan tâm thực hiện, đạt kết quả tích cực⁶.

2. Khó khăn, hạn chế

- Chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 được quan tâm thực hiện nhưng do thực hiện các quy định về giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg nên có trường hợp chi trả cho người dân còn chậm.

- Việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho lực lượng tham gia phòng, chống dịch đối với Tổ giám sát cộng đồng ở cơ sở, chốt kiểm soát dịch theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 31/8/2021 của HĐND tỉnh còn hạn chế do kinh phí của các địa phương khó khăn. Một số địa phương gặp khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách hỗ trợ đối với Tổ giám sát cộng đồng do Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ban hành ngày 31/8/2021, quy định chính sách hỗ trợ 130.000 đồng/người/ngày, không quá 2.000.000 đồng/người/tháng, áp dụng từ ngày 08/02/2021, trong khi đó một số địa phương đã chi hỗ trợ cho đối tượng theo ngày thực tế làm nhiệm vụ, không giới hạn số tiền hỗ trợ/tháng (vận dụng quy định tại điểm b khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 16/NQ-CP)⁷.

- Do nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước còn khó khăn nên việc bố trí kinh phí chi phụ cấp phòng, chống dịch theo quy định của Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 28/2/2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 đối với lực lượng ngành y tế; chi phí điều trị bệnh nhân, triển khai các đợt tiêm chủng vắc - xin phòng Covid-19, chi phí truyền thông, kiểm soát nhiễm khuẩn hiện nay chưa được bố trí⁸.

⁶ Theo báo cáo của Sở Y tế, các tổ chức, cá nhân đã tài trợ bằng hiện vật cho ngành y tế với trị giá 22.486.673.000 đồng.

Theo báo cáo của UBND các huyện, thành phố, kết quả kêu gọi, huy động sự hỗ trợ, ủng hộ từ tổ chức, cá nhân vào công tác phòng, chống dịch cụ thể như sau: Huyện Bác Ái: 326.400.000 đồng; huyện Thuận Nam: 790.920.000 đồng; thành phố Phan Rang - Tháp Chàm: 497 triệu đồng (chưa bao gồm các khoản do xã, phường vận động); huyện Thuận Bắc: 628 triệu đồng; huyện Ninh Hải: 900.700.000 đồng (chưa bao gồm trang thiết bị, vật tư y tế, nhu yếu phẩm); huyện Ninh Sơn: 98.470.371 đồng.

⁷ Huyện Thuận Bắc; huyện Ninh Hải;

⁸ Theo báo cáo của Sở Y tế, tổng kinh phí chi phụ cấp phòng chống dịch cho nhân viên y tế hơn 10 tỷ đồng.

- Việc thu tiền ăn của người bị cách ly y tế theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ còn khó khăn, trong khi đó số tiền tạm ứng hỗ trợ tiền ăn cho người bị cách ly y tế lớn, việc trang bị một số vật tư y tế thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại các khu cách ly tập trung, chốt kiểm soát còn khó khăn.

- Một số xã, phường chưa chủ động, quyết liệt thực hiện đảm bảo quy định về cắt giảm tối thiểu 50% chi phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước; tiết kiệm thêm 10% kinh phí chi thường xuyên khác còn lại của năm 2021; thu hồi các khoản chi thường xuyên chưa thật sự cần thiết, chậm triển khai để bổ sung nguồn dự phòng của ngân sách địa phương chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của các sở, ngành⁹.

- Theo báo cáo của UBND các huyện, thành phố, hiện nay các địa phương đều không đảm bảo kinh phí và có nhu cầu bổ sung kinh phí thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn.

3. Một số nguyên nhân hạn chế

Dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài đã ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách các cấp; nhiều đối tượng bị ảnh hưởng do dịch Covid-19; nhu cầu kinh phí cho công tác phòng, chống dịch lớn trong khi đó ngân sách tỉnh còn hạn chế đã ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống dịch theo quy định.

IV. Đề xuất, kiến nghị đối với UBND tỉnh

1. Tiếp tục huy động các nguồn lực, phối hợp với UBMTTQVN tỉnh vận động sự hỗ trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân đóng góp vào công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

2. Cập nhật, tổng hợp nhu cầu kinh phí của các địa phương; tiếp tục bám sát, tranh thủ hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương đối với nguồn kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

3. Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện nghiêm quy định tại điểm c mục 2 Nghị quyết số 58/NQ-CP và khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 của Chính phủ: Cắt giảm tối thiểu 50% chi phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước; tiết kiệm thêm 10% kinh phí chi thường xuyên khác còn lại của năm 2021; tiếp tục rà soát, thu hồi các khoản chi thường xuyên chưa thật sự cần thiết, chậm triển khai để bổ sung nguồn dự phòng của ngân sách địa phương chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19.

4. Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, lực lượng tham gia vào công tác phòng, chống dịch Covid-19 đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, đồng thời không để lợi dụng, trục lợi chính sách, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tập trung đảm bảo an sinh xã hội, chăm lo đời sống cho người dân, nhất là đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo,... không để sót, lọt đối tượng, địa bàn cần hỗ trợ.

5. Chỉ đạo rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật

⁹ Theo báo cáo của UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

tư y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 để có phương án đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo phù hợp, hiệu quả, tiết kiệm trong điều kiện ngân sách tỉnh còn khó khăn.

6. Chủ động phương án huy động nguồn lực để đáp ứng kịp thời nhu cầu cho công tác phòng, chống dịch, hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả thiên tai và các nhiệm vụ cấp bách khác.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 từ đầu năm 2021 đến tháng 9/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Trần Minh Nam

PHỤ BIỂU CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ, VẬT TƯ Y TẾ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19

(Đính kèm Báo cáo số 14/BC-HĐND ngày 16/11/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)



Số Quyết định	Ngày tháng Quyết định	Nội dung	Đơn vị	Nguồn kinh phí	Số tiền (đồng)
1. Chế độ, chính sách đối với người bị cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế					2.141.523.000
920/QĐ-UBND	5/19/2021	Kinh phí tiếp nhận và cách ly công dân từ vùng dịch về nước	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Dự phòng ngân sách tỉnh	770.563.000
1172/QĐ-UBND	6/28/2021	Đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, cách ly y tế đối với các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế tập trung theo yêu cầu phòng, chống dịch trên địa bàn tỉnh	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Dự phòng ngân sách tỉnh	179.760.000
1420/QĐ-UBND	7/22/2021	Đảm bảo kinh phí tiếp nhận, cách ly y tế tập trung theo yêu cầu phòng, chống dịch trên địa bàn tỉnh	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Dự phòng ngân sách tỉnh	200.000.000
1653/QĐ-UBND	8/27/2021	Chi phí phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong những ngày cách ly y tế tập trung theo Nghị quyết số 16/NQ-CP	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	70% quỹ dự trữ tài chính QĐ 386/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh (chuyển vào thu ngân sách)	991.200.000
1579/QĐ-UBND	8/12/2021	Kinh phí thực hiện phòng chống dịch Covid-19	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	70% quỹ dự trữ tài chính QĐ 386/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh (chuyển vào thu ngân sách)	353.440.000
2. Chế độ đặc thù, tiền ăn đối với viên chức, người lao động tham gia phòng, chống dịch					19.869.353.000
1420/QĐ-UBND	7/22/2021	Đảm bảo kinh phí tiếp nhận, cách ly y tế tập trung theo yêu cầu phòng, chống dịch trên địa bàn tỉnh	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Dự phòng ngân sách tỉnh	600.000.000
1172/QĐ-UBND	6/28/2021	Đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, cách ly y tế đối với các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế tập trung theo yêu cầu phòng, chống dịch trên địa bàn tỉnh	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Dự phòng ngân sách tỉnh	856.115.000

Số Quyết định	Ngày tháng Quyết định	Nội dung	Đơn vị	Nguồn kinh phí	Số tiền (đồng)
1579/QĐ-UBND	8/12/2021	Kinh phí chi trả tiền ăn cho lực lượng làm nhiệm vụ theo Nghị quyết số 16/NQ-CP	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	70% quỹ dự trữ tài chính QĐ 386/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh (chuyển vào thu ngân sách)	476.160.000
1148/QĐ-UBND	6/25/2021	Thực hiện chi trả phụ cấp chống dịch và tiền ăn cho lực lượng làm nhiệm vụ theo Nghị quyết số 16/NQ-CP	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Dự phòng ngân sách tỉnh	271.460.000
1653/QĐ-UBND	8/27/2021	Kinh phí chi trả tiền ăn cho lực lượng làm nhiệm vụ theo Nghị quyết số 16/NQ-CP	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	70% quỹ dự trữ tài chính QĐ 386/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh (chuyển vào thu ngân sách)	1.040.000.000
1172/QĐ-UBND	6/28/2021	Chi trả chế độ trong phòng chống dịch Covid-19 theo quy định tại Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ cho các cán bộ, chiến sĩ tham gia trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát dịch bệnh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các trường hợp nhập cảnh, cư trú, tạm trú bất hợp pháp, kịp thời xử lý ngăn chặn không để dịch bệnh xâm nhập và lây lan trên địa bàn	Công an tỉnh	Dự phòng ngân sách tỉnh	300.000.000
1154/QĐ-UBND	6/25/2021	Thực hiện chi bồi dưỡng cho lực lượng phối hợp liên ngành tham gia phòng chống dịch bệnh Covid-19 năm 2020 và năm 2021	Sở Giao thông – Vận tải	Dự phòng ngân sách tỉnh	120.460.000
1269/QĐ-UBND	7/7/2021	Kinh phí lấy mẫu dịch Covid-19 phục vụ bầu cử	Sở Y tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (Kinh phí bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp)	35.158.000
1526/QĐ-UBND	8/5/2021	Kinh phí thực hiện phòng chống dịch Covid-19	Sở Y tế	Dự phòng ngân sách tỉnh	16.170.000.000
3. sử dụng kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế, hóa chất khử khuẩn					40.809.011.800
1526/QĐ-UBND	8/5/2021	Kinh phí mua sắm vật tư, sinh phẩm xét nghiệm và trang thiết bị y tế đầu tư cho 50 giường bệnh nhân Covid-19 điều trị nặng, nguy kịch tại Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y tế	70% quỹ dự trữ tài chính QĐ 386/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh (chuyển vào thu ngân sách)	12.000.000.000
1050/QĐ-UBND	6/10/2021	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ 02 khu cách ly phòng chống dịch	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Dự phòng ngân sách tỉnh	177.120.500

Số Quyết định	Ngày tháng Quyết định	Nội dung	Đơn vị	Nguồn kinh phí	Số tiền (đồng)
918/QĐ-UBND	5/19/2021	Kinh phí mua sắm vật tư, hàng hóa, vật chất chống dịch phục vụ bầu cử	Sở Y tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (Kinh phí bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp)	1.000.000.000
957/QĐ-UBND	5/26/2021	Kinh phí mua vật tư phòng chống dịch phục vụ bầu cử	Sở Y tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (Kinh phí bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp)	1.472.876.800
1154/QĐ-UBND	6/25/2021	Tổ chức xét nghiệm phòng ngừa dịch Covid-19 cho cán bộ, giáo viên, người làm công tác thi tuyển sinh lớp 10 Trung học phổ thông năm học 2021-2022 (Trung tâm kiểm soát bệnh tật)	Sở Y tế	Dự phòng ngân sách tỉnh	148.118.800
1752/QĐ-UBND	9/11/2021	Phục vụ việc xét nghiệm SARS-CoV-2 cho cán bộ, giáo viên, nhân viên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông chuẩn bị vào năm học mới 2021-2022	Sở Y tế	30% tăng thu ngân sách địa phương năm 2020	342.512.000
1653/QĐ-UBND	8/27/2021	Kinh phí mua sắm vật chất bảo đảm cho các khu cách ly mới đưa vào sử dụng, chưa được đề nghị (Chăn, mền, chiếu, gối và dụng cụ nấu ăn,...)	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Nguồn kết dư ngân sách tỉnh năm 2019 tại Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh	497.000.000
1653/QĐ-UBND	8/27/2021	Kinh phí mua sắm vật tư y tế (khẩu trang, đồ bảo hộ, tấm chắn giọt bắn, nước sát khuẩn, găng tay y tế, Cloramin B)	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	70% quỹ dự trữ tài chính QĐ 386/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh (chuyển vào thu ngân sách)	457.000.000
1579/QĐ-UBND	8/12/2021	Kinh phí mua sắm vật tư y tế tại các khu cách ly	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	70% quỹ dự trữ tài chính QĐ 386/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh (chuyển vào thu ngân sách)	200.000.000
1454/QĐ-UBND	7/28/2021	Kinh phí mua sắm vật tư, thiết bị y tế	Sở Y tế	Dự phòng ngân sách tỉnh	1.000.000.000
1454/QĐ-UBND	7/28/2021	Kinh phí mua sắm vật tư, thiết bị y tế	Sở Y tế	30% tăng thu ngân sách địa phương năm 2020	2.000.000.000
1394/QĐ-UBND	7/21/2021	Mua vật tư, sinh phẩm xét nghiệm mẫu gộp bằng kỹ thuật Real time-PCR	Sở Y tế	Dự phòng ngân sách tỉnh	1.501.973.700
1896/QĐ-UBND	9/28/2021	mua sắm vật tư, sinh phẩm xét nghiệm tầm soát dịch bệnh Covid tại cộng đồng và theo Kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt	Sở Y tế	30% tăng thu ngân sách địa phương năm 2020	5.247.000.000
1896/QĐ-UBND	9/28/2021	mua sắm vật tư, sinh phẩm xét nghiệm tầm soát dịch bệnh Covid tại cộng đồng và theo Kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt	Sở Y tế	70% quỹ dự trữ tài chính QĐ 386/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh (chuyển vào thu ngân sách)	8.482.000.000

Số Quyết định	Ngày tháng Quyết định	Nội dung	Đơn vị	Nguồn kinh phí	Số tiền (đồng)
1896/QĐ-UBND	9/28/2021	mua sắm vật tư, sinh phẩm xét nghiệm tầm soát dịch bệnh Covid tại cộng đồng và theo Kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt	Sở Y tế	Dự phòng ngân sách tỉnh	1.271.000.000
389/QĐ-UBND	3/9/2021	Kinh phí mua sắm trang thiết bị và vật tư y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19	Sở Y tế	Chi y tế, dân số và gia đình (Dự kiến kinh phí chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương khi nguồn thu của các cơ sở khám chữa bệnh không bảo đảm nguồn chi lương; Kinh phí tăng lương định kỳ và một số nội dung phân bổ sau)	5.000.000.000
1549/QĐ-UBND	8/9/2021	Kinh phí đảm bảo vật tư y tế phòng chống dịch Covid-19	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự phòng ngân sách tỉnh	12.410.000
Tổng cộng					62.819.887.800

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 42/NQ-CP NGÀY 09/4/2020 CỦA CHÍNH PHỦ
(Đính kèm Báo cáo số 281/BC-HĐND ngày 16/11/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

TT	Địa phương	Tổng kinh phí thực hiện theo danh sách được phê duyệt (triệu đồng)	Số quyết toán																Xác nhận số thực tế rút dự toán của Kho bạc nhà nước (triệu đồng)
			Người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng hoặc nghỉ việc không hưởng lương		Hộ kinh doanh cá thể có khai báo thuế, có doanh thu dưới 100tr/năm		Người lao động bị chấm dứt hợp đồng nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp		Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm		Người có công với cách mạng (3 tháng)		Đối tượng bảo trợ xã hội (3 tháng)		Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo (3 tháng)		Tổng cộng		
			Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	UBND Tp Phan Rang-TC	27.053,80	181	325,8	304	304	6	6	9.041	9.041	604	905	5.868	8.766,00	10.199	7.649,25	26.203	26.997,05	26.997,05
2	UBND huyện Ninh Sơn	20.389,75		-	9	9			1.741	1.741	294	439	2.278	3.405,00	19.688	14.764,00	24.010	20.358,00	20.358,00
3	UBND huyện Ninh Hải	12.904,25	10	18,0	43	43		-	3.296	3.296	230	345	3.169	4.741,50	5.933	4.449,75	12.681	12.893,25	12.893,25
4	UBND huyện Thuận Bắc	16.531,00		-	13	13	1	1	593	593	380	570	884	1.326,00	18.700	14.025,00	20.571	16.528,00	16.528,00
5	UBND huyện Ninh Phước	24.964,00		-	158	158	2	2	3.888	3.888	358	536	3.960	5.940,00	19.178	14.383,50	27.544	24.907,50	24.909,00
6	UBND huyện Thuận Nam	11.225,85	2	3,6	67	67	1	1	1.830	1.830	307	461	1.543	2.314,50	8.711	6.533,25	12.461	11.209,85	11.209,85
7	UBND huyện Bắc Ái	13.294,00		-	15	15		-	127	127	725	1.088	693	1.039,50	14.678	11.008,50	16.238	13.277,50	13.277,50
	Tổng cộng	126.362,65	193	347,4	609	609,00	10	10	20.516	20.516	2.898	4.343	18.395	27.532,50	97.087	72.813,25	139.708	126.171,15	126.172,65

Ghi chú: Số quyết toán không bao gồm kinh phí hỗ trợ đối với người lao động theo Khoản 2 Điều 7 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg: 3.970 người, số tiền 3.970 triệu đồng.



BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐƯỢC PHÊ DUYỆT THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 68/NQ-CP NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 2021 CỦA CHÍNH PHỦ
(Thành viên Báo cáo số 38/BC/HĐND ngày 26/11/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

TT	Địa phương	Tổng số		Hỗ trợ đối tượng Khoản 12 mục III KH số		Tổng kinh phí phê duyệt hồ		Hỗ trợ hộ kinh doanh		Tổng số hỗ trợ người lao động (không bao gồm lao động tự do)				Hỗ trợ người lao động tạm hoãn binh động				Hỗ trợ người lao động ngừng việc				Hỗ trợ người lao động chăm sóc đợt hợp đồng lao động (3.710.000 đồng/người)				Người đang điều trị Covid - 19 (F0)		Người đang cách ly y tế (F1)		trẻ em đang điều trị Covid-19 hoặc cách ly		Hưởng ưu tiên du lịch		Viên chức hoạt động nghệ thuật (Điền)						
		Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số tiền (triệu đồng)	Số hộ	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền (triệu đồng)							
		(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	
A	B	(1)=(3)+(4)	(2)	(3)	(4)=(6)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	
1	UBND Tp Phan Rang-TC	34.239,430	14.588	21.882	12.357,430	2.061	6.183	1.523	6.174,430	92	170,660	1.423	4.625,390	60	60	638	651																							
2	UBND huyện Ninh Sơn	1.016,500	342	513,00	503,500	98	294	50,000	209,500	0	0,000	50	209,500	1	1	21	23									0,000	0,000	0,000	0,000	87	87,200									
3	UBND huyện Ninh Hải	1.034,910	349	523,50	511,410	69	207	151,000	304,410	0	0,000	51	196,790	3	3	12	12									0,000	0,000	0,000	0,000	34	35,120	1	1,12	5	5,000					
4	UBND huyện Thuận Bắc	62,240	2	3,00	59,240	6	18	40,000	41,240	0	0,000	0	0,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
5	UBND huyện Ninh Phước	8.723,495	4.805	7.207,50	1.515,995	386	1.158	100,000	357,995	1	1.855	82	332,220	4	4	24	24																							
6	UBND huyện Thuận Nam	575,420	218	327,00	248,420	80	240	2,000	8,420																															
7	UBND huyện Bắc Ái	9,000	2	3,00	6,000																																			
8	Sơ Lao động-Thương binh XH	37,100			37,100			10,000	37,100																															
9	Sơ Văn hóa-Thể thao và Du lịch	70,490			70,490			19	70,490																															
	Tổng cộng	45.768,585	20.306	30.459	15.309,585	2.700	8.100	1.895	7.203,585	93	172,515	1.608	5.372,32	68	68	696	711	6	10				4	4	10	37,1	0,000	0,000	0,000	0,000	124	127,320	13	19,48	22	22	6	22,26	13	48,230

TỔNG HỢP NHU CẦU VÀ TÌNH HÌNH BỐ TRÍ KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19

TU 01/01/2021 ĐẾN 30/9/2021

(Đính kèm Báo cáo số 29/BC-HĐND ngày 26/11/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng nhu cầu kinh phí	Tổng kinh phí đã chi	Nguồn kinh phí										Kinh phí còn thiếu					
				Ngân sách tỉnh	Gồm							Ngân sách huyện	Gồm						
					Dự toán phòng NSDP	Quản lý nhà nước	Quỹ dự trữ tài chính địa phương	Nguồn cải cách tiền lương	Tăng thu kết dư	Y tế, dân số và gia đình	Từ nguồn huy động, đóng góp		Dự toán phòng NSDP		Nguồn cải cách tiền lương	Tăng thu kết dư	Cắt giảm, tiết kiệm theo Nghị quyết 58/NQ-CP và NQ 86/NQ-CP	Nguồn huy động, đóng góp	Bổ sung có mục tiêu
1	Kinh phí phòng, chống dịch (theo các Nghị quyết của Chính phủ số 16/NQ-CP ngày 08/2/2021, số 17/NQ-CP ngày 09/02/2021, số 48/NQ-CP ngày 06/5/2021, số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021, số 79/NQ-CP ngày 22/7/2021)	826.397,37	107.355,966	71.378,952	23.578,980	2.508,16	23.999,80	0	9.587	5.000	6.705,5	35.977,014	20.350,534	1.820	3.887,127	6.707,070	37,500	4.992,963	718.999,810
1	Chi phí cấp chống dịch	108.734,49	30.148,835	7.036,340	2.475,540	0,000	3.060,800	0,000	1.500	0	23.112,495	10.348,165	1,820	3.637,327	5.689,440	32,780	3.402,963	78.585,655	
-	Sở Y tế	38.597,77	0,000	0,000							0,000							38.597,770	
-	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	9.113,30	6.615,880	6.615,880	2.055,080		3.060,8		1.500		0,000							2.497,420	
-	Công an tỉnh	1.294,72	300,000	300,000	300,000						0,000							994,720	
-	Sở Giao thông vận tải	120,46	120,460	120,460	120,460						0,000							0,000	
-	UBND huyện Ninh Phước	11.511,46	8.659,210								8.659,210	973,000		3.272,250	2.413,960		2.000	2.852,250	
-	UBND huyện Bác Ái	5.598,67	2.345,787								2.345,787	1.781,000			564,787			3.252,883	
-	UBND huyện Thuận Nam	16.040,44	2.116,148								2.116,148	490,735		276,640	1.055,470		293,303	13.924,292	
-	UBND huyện Ninh Sơn	955,42	0,000								0,000							955,420	
-	UBND huyện Thuận Bắc	3.960,26	2.224,350								2.224,350	1.210,430	1,820	88,437	21,223	32,780	869,660	1.735,910	
-	UBND huyện Ninh Hải	4.332,84	850,000								850	464			146		240	3.482,840	
-	UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	17.209,15	6.917,0								6.917	5.429			1.488			10.292,15	
2	Kinh phí mua sắm hóa chất, sinh phẩm, phương tiện phòng chống dịch	708.611,33	72.539,155	64.320,066	21.080,894	2.508,16	20.939,000		8,087	5.000	6.705,5	8.219,089	7.624,369	0,000	0,000	0,000	4,720	590	636.030,585
-	Sở Y tế (bao gồm các bệnh viện dã chiến, các khu cách ly y tế tập trung của tỉnh, huyện, xã)	673.620	62.376	62.376	20.091.092	2.508,16	20.482		7.590	5.000	6.705,5	0						611.244	
-	Bộ CHQS tỉnh Ninh Thuận	2.851,00	1.931,392	1.931,392	977,392		457		497,0		0,000							919,608	
-	Công an tỉnh	4.004,00	0,000	0,000							0,000							4.004,000	
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	54,00	12,410	12,410	12,410						0,000								
-	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Ninh Thuận	54,00	0,000								0,000							54,000	
-	UBND huyện Ninh Phước	2.740,00	2.740,000								2.740,000	2.740,000						0,000	
-	UBND huyện Bác Ái	5.833,00	0,000								0,000							5.833,000	
-	UBND huyện Thuận Nam	3.546,00	1.728,565								1.728,565	1.138,565					590	1.817,435	
-	UBND huyện Ninh Sơn	821,00	0,000								0,000							821,000	
-	UBND huyện Thuận Bắc	95,33	84,390								84,390	79,670				4,720		10,940	
-	UBND huyện Ninh Hải	349,00	349,000								349,000	349,000						0,000	

STT	Nội dung	Tổng nhu cầu kinh phí	Tổng kinh phí đã chi	Nguồn kinh phí										Kinh phí còn thiếu						
				Ngân sách tỉnh	Gồm							Ngân sách huyện	Gồm							
					Dự toán phòng NSDP	Quản lý nhà nước	Quỹ dự trữ tài chính địa phương	Nguồn cải cách tiền lương	Tăng thu kết dư	Y tế, dân số và gia đình	Từ nguồn huy động, đóng góp		Dự toán phòng NSDP		Nguồn cải cách tiền lương	Tăng thu kết dư	Cắt giảm, tiết kiệm theo Nghị quyết 58/NQ-CP và NQ 86/NQ-CP	Nguồn huy động, đóng góp	Bổ sung có mục tiêu	
-	UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	14.644,00	3.317,134									3.317,134	3.317,134							11.326,866
3	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế	3.742,47	2.821,47	22,55	22,55							2.798,92	2.378,00			420,92				921,00
-	UBND huyện Ninh Sơn	621,00	0,000									0,000								621,000
-	UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	2.378,00	2.378,000									2.378,000	2.378,000							0,000
-	UBND huyện Bác Ái	720,92	420,92									420,92			420,92					300,000
-	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Ninh Thuận	22,55	22,55	22,546	22,546							0,00			249,80	596,71		1,000		3.462,57
4	Kinh phí khác	5.309,08	1.846,51									1.846,51	0,000							192,000
-	UBND huyện Ninh Sơn	192,00	0,000									0,000								192,000
-	UBND huyện Bác Ái	5.117,08	1.846,510									1.846,510			249,800	596,710		1,000		3.270,570
II	Kinh phí hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ	46.074,875	46.074,875	12.736,433				12.736,433				33.338,442	11.234,485	19.160,500	2.943,457					0,000
1	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng tại khoản 12 Mục II	30.520,50	30.520,50	12.628,84				12.628,84				17.891,66	2.551,44	15.281,72	58,50					0,00
-	UBND huyện Ninh Phước	7.207,50	7.207,500									7.207,500		7.207,500						0,000
-	UBND huyện Bác Ái	9,00	9,000									9,000		9,000						0,000
-	UBND huyện Thuận Nam	327,00	327,000									327,000	327,000							0,000
-	UBND huyện Ninh Sơn	513,00	513,000									513,000		513,000						0,000
-	UBND huyện Thuận Bắc	58,50	58,500									58,500		58,500			58,500			0,000
-	UBND huyện Ninh Hải	523,50	523,500									523,500	523,500							0,000
-	UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	21.882,00	21.882,000	12.628,843				12.628,843				9.253,157	1.700,940	7.552,217						0,000
2	Hỗ trợ hộ kinh doanh	8.148,00	8.148,00	0,00				0,00				8.148,00	1.635,00	3.669,28	2.843,72					0,000
-	UBND huyện Ninh Phước	1.158,00	1.158,000									1.158,000	1.158,000							0,000
-	UBND huyện Bác Ái	6,00	6,000									6,000		6,000						0,000
-	UBND huyện Thuận Nam	270,00	270,000									270,000	270,000							0,000
-	UBND huyện Ninh Sơn	306,00	306,000									306,000		306,000						0,000
-	UBND huyện Thuận Bắc	18,00	18,000									18,000		18,000			18,000			0,000
-	UBND huyện Ninh Hải	207,00	207,000									207,000	207,000							0,000
-	UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	6.183,00	6.183,000									6.183,000		3.357,283	2.825,717					0,000
3	Hỗ trợ người lao động	7.237,575	7.237,575	107,590				107,590				7.129,985	6.920,485	209,500	0,000					0,000
-	UBND huyện Ninh Phước	344,075	344,075									344,075	344,075							0,000
-	UBND huyện Thuận Nam	211,210	211,210									211,210	211,210							0,000
-	UBND huyện Ninh Sơn	209,500	209,500									209,500		209,500						0,000
-	UBND huyện Ninh Hải	204,210	204,210									204,210	204,210							0,000
-	UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	6.160,990	6.160,990									6.160,990	6.160,990							0,000
-	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	37,100	37,100	37,100				37,100				0,000								0,000
-	Sở Văn hóa Thể thao và du lịch	70,490	70,490	70,490				70,490				0,000								0,000
-	Sở Giao thông vận tải		0,000	0,000								0,000								0,000
4	Hỗ trợ người điều trị F0 và cách ly F1	168,80	168,80	0,00				0,00				168,80	127,56	0,00	41,24					0,00

STT	Nội dung	Tổng nhu cầu kinh phí	Tổng kinh phí đã chi	Nguồn kinh phí														Kinh phí còn thiếu		
				Ngân sách tỉnh	Gồm								Ngân sách huyện	Gồm						
					Dự toán phòng NSDP	Dự Quản lý nhà nước	Quỹ dự trữ tài chính địa phương	Nguồn cải cách tiền lương	Tăng thu kết dư	Y tế, dân số và gia đình	Từ nguồn huy động, đóng góp	Dự toán phòng NSDP		Nguồn cải cách tiền lương	Tăng thu kết dư	Cắt giảm, tiết kiệm theo Nghị quyết 58/NQ CP và NQ 86/NQ-CP	Nguồn huy động, đóng góp		Bổ sung có mục tiêu	
-	UBND huyện Ninh Phước	13,92	13,920									13,920	13,920							0,000
-	UBND huyện Thuận Bắc	41,24	41,240									41,240		41,240						0,000
-	UBND huyện Ninh Hải	100,20	100,200									100,200	100,200							0,000
-	UBND thành phố Phan Rang- Tháp Chàm	13,44	13,440									13,440	13,440							0,000
	TỔNG CỘNG	872.472,24	153.430,84	84.115,39	23.578,98	2.508,16	23.999,80	12.736,43	9.586,51	5.000	6.705,50	69.315,46	31.585,02	19.162,32	6.830,58	6.707,07	37,50	4.992,96	718.999,81	

NHU CẦU VÀ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19

(Đính kèm Báo cáo số 24/BC-HĐND ngày 26/11/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Nhu cầu kinh phí	Nguồn kinh phí	Chia ra theo nguồn							Tỷ lệ đáp ứng kinh phí (%)
				Dự toán Dự phòng NSDP	Quỹ DTTC	Nguồn cải cách tiền lương	Cắt giảm tiết kiệm tăng thêm 2021	Cắt giảm nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết	Tăng thu kết dư	Từ nguồn huy động, đóng góp	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Ngân sách tỉnh	729.785,39	564.078,97	23.578,98	24.000	470.328,00	25.258,36	12.063,09		8.850,54	77,29%
II	Ngân sách huyện	142.632,86	304.048,84	27.656,52		236.519,65	11.394,07		22.688,43		
1	UBND huyện Ninh Phước	22.974,96	55.121,27	3.713,00		45.341,00	2.795,02		3.272,25		239,92%
2	UBND huyện Bác Ái	17.284,67	22.066,77	1.781,00		17.880,00	1.111,90	1.293,87			127,67%
3	UBND huyện Thuận Nam	20.394,65	98.053,22	3.454,00		90.151,00	964,22		3.484,00		480,78%
4	UBND huyện Ninh Sơn	3.617,92	17.977,08	5.078,00		6.939,00	2.864,07	1.055,00	2.041,01		496,89%
5	UBND huyện Thuận Bắc	4.173,33	43.510,73	3.134,00		39.802,00	574,73				1042,59%
6	UBND huyện Ninh Hải	5.716,75	31.645,87	5.407,00		20.096,00	1.266,87		4.876,00		553,56%
7	UBND TP Phan Rang-Tháp Chàm	68.470,58	35.673,90	5.089,52		16.310,65	1.817,26	3.441,29	9.015,18		52,10%
	Tổng cộng	872.418,24	868.127,80	51.235,50	24.000,00	706.847,65	36.652,43	12.063,09	22.688,43	8.850,54	

TỈNH THỦ